

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2018/QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 20 tháng 8 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Anh Lê Trung D, sinh năm 1992.

- Chị Y Thanh H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn T, xã H, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trung D và chị Y Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trung D và chị Y Thanh H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Lê Khánh V, sinh ngày 30/9/2016. Các đương sự thỏa thuận giao cháu V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi (*chị H chưa đủ điều kiện kinh tế và thời gian, nên tự nguyện giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng*). Chị Y Thanh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Y Thanh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương công nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*):

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều

27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Anh Lê Trung D thỏa thuận nhận nộp số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh D đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số: AA/2010/0009414 ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Anh Lê Trung D còn được nhận lại số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát H;
- Chi cục THADS H;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

NGUYỄN DUY NGŨ